

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 08-8-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Hải Âu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Hồng Điệp
2. Ông Trần Văn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hùng vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, trong quá trình tố tụng như sau:

Qua thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Đ, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2011 ngày 11/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Đ, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 02 năm đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, vợ chồng tH xuyên cãi vã, hiện ông D đã có người phụ nữ khác bên ngoài. Sau khi vợ chồng cự

cãi, ông D đã bỏ nhà đi đến nay đã hơn 07, kể từ đó đến nay ông D không thăm con, không liên lạc với bà H để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông D chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ánh Xuân sinh ngày 22/12/2011, hiện đang sống với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh Xuân, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do và cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H. Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị H nộp cho Tòa án bao gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh con chung tên Nguyễn Thị Ánh Xuân, bản tự khai ngày 30/5/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy báo phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Văn D.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy kết hôn số 67/2011 ngày 11/10/2011 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà H và ông D có quá trình chung sống với nhau 13 năm, hạnh phúc được 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, vợ chồng tH xuyên cãi vã, sau khi cự cãi ông D đã bỏ nhà đi đến nay hơn 07 năm và hiện đã có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng ly thân đã hơn 07 năm, vợ chồng không còn sống chung, hiện nay không còn liên lạc với nhau, ông D cũng bỏ mặt không quan tâm đến bà H. Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn tố tụng, triệu tập hợp lệ

tham gia xét xử nhưng ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do, cho thấy ông D không có quan tâm, mong muốn hàn gắn với bà H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn D.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ánh Xuân sinh ngày 22/12/2011, hiện đang sống với bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh Xuân, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân, bà H vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh Xuân, ông D đã bỏ mặc không quan tâm, không làm tròn trách nhiệm làm cha đối với con. Đến khi bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung, ông D cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà H về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng để duy trì sự ổn định, phát triển bình thường, đảm bảo việc học hành cùng như ý nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Ánh Xuân thể hiện tại đơn nguyện vọng ngày 01/4/2022 là muốn sống với mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H là người tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Ánh Xuân, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình tố tụng, bà H khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Nguyễn Thị Ánh Xuân sinh ngày 22/12/2011. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá Việt, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn Việt và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006271 ngày 25/5/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An thành án phí, bà H đã nộp xong.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Hải Âu**